

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HS-ST

Ngày 27-03 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Văn Quang và ông Đào Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Lâm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 10 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Bùi Văn N, sinh ngày 07 tháng 4 năm 1989 tại **thôn Đ, xã N, thành phố Hải Phòng**; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã N, thành phố Hải Phòng**; số CCCD: 030089002528; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông **Bùi Văn Q** và bà **Chu Thị N1**; có vợ là **Vũ Thị T**; có vợ và 2 con;

Tiền án: Có 5 tiền án.

- (1) Bản án số 10 ngày 17/3/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong bản án ngày 05/10/2015;
- (2) Bản án số 75 ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2016, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 28/9/2016;
- (3) Bản án số 61 ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù và toàn bộ bản án ngày 12/11/2018;

- (4) Bản án số 126 ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2022;
- (5) Bản án số 71 ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2023;

Tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 43 ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (phạm tội ngày 10/7/2025);

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án 43 ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên tại Trại giam T4, tỉnh Phú Thọ.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị C – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T5 Thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần Công T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường B, thành phố Hải Phòng.

Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số A T, TDP T, phường T, TP Hải Phòng.

Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1981; địa chỉ: số H ngõ A V, phường L, thành phố Hải Phòng.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Bùi Văn N đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học sửa chữa. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng sáng ngày 16/6/2025, N đi xe khách từ xã N, thành phố Hải Phòng đến khu công nghiệp Đ, phường T, thành phố Hải Phòng với mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản.

Khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, khi đi bộ vào khu vực Tổ dân phố T, phường T, bị cáo quan sát thấy khu nhà trọ tại số H ngõ A T. Tại đây, bị cáo phát hiện phòng trọ số 4 của anh Trần Công T1 chỉ cài then ngoài, không khóa cửa. Lợi dụng việc chủ tài sản đi làm vắng, bị cáo dùng tay mở cửa phòng trọ, thấy trong phòng có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 34D1-

453.09 dựng sát tường gần cửa ra vào; chìa khóa xe treo trên tường. Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này để làm phương tiện đi lại.

Thực hiện ý định phạm tội, bị cáo lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa điện, mở được khóa xe, dắt xe ra ngoài phòng trọ, sau đó đóng cửa và cài then lại như cũ nhằm tránh bị phát hiện ngay. Tiếp đó, bị cáo nổ máy điều khiển xe đi về nhà. Về đến nơi ở, để che giấu nguồn gốc tài sản, bị cáo tháo biển số thật 34D1-453.09 vứt đi, rồi sử dụng biển số 34B3-411.02 mua trước đó qua mạng xã hội lắp vào xe để tiếp tục sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngày 10/7/2025, bị cáo điều khiển chiếc xe nêu trên đến phường T, tỉnh Hưng Yên và tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khác. Đến ngày 15/7/2025, bị cáo đến Công an phường T đầu thú về hành vi phạm tội ở Hưng Yên đồng thời giao nộp 01 xe mô tô đang gắn biển kiểm soát 34B3-411.02. Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H xác định chiếc xe mô tô bị cáo giao nộp chính là xe Yamaha Exciter của anh Trần Công T1 có số khung RLCUG1010LY317536, số máy G3D4E1088572; từ đó chuyển toàn bộ tài liệu và vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H giải quyết theo thẩm quyền.

Bị hại, anh Trần Công T1 trình bày: sáng ngày 16/6/2025, anh để chiếc xe Yamaha Exciter biển kiểm soát 34D1-453.09 cùng chìa khóa xe treo trên móc treo đồ gần vị trí để xe, trong phòng trọ tại số H ngõ A T rồi đi làm nhưng chỉ cài then cửa không khóa. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh quay về phòng trọ thì phát hiện xe bị mất nên về sau làm đơn trình báo cơ quan công an. Giấy đăng ký xe thể hiện chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Công T1. Sau khi nhận lại tài sản, anh T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại dân sự.

Tại biên bản ghi lời khai, người làm chứng Nguyễn Văn T2 trình bày: sau khi anh T1 bị mất xe, anh T1 nhờ kiểm tra lại camera an ninh tại khu vực ngõ A T. Camera ghi nhận lúc 11 giờ 37 phút 25 giây ngày 16/6/2025 có một nam thanh niên lạ mặt đi vào ngõ; đến 11 giờ 43 phút 27 giây cùng ngày, người này điều khiển một xe mô tô Yamaha Exciter màu đen đi ra khỏi ngõ. Do hệ thống camera chỉ lưu dữ liệu trong thời gian ngắn nên khi cơ quan điều tra làm việc, tệp video không còn để trích xuất.

Người làm chứng là bà Phạm Thị N2 khai: Bà N2 là chủ nhà trọ địa chỉ tại số H T, T, phường T, TP Hải Phòng và có cho anh Trần Công T3 thuê phòng. Dãy nhà trọ không có người trông coi mà giao chìa khóa riêng cho từng phòng trọ thuê quản lý. Khoảng giữa tháng 6/2025, anh Trần Công T1 nói cho bà N2 biết việc anh bị mất xe máy.

Tại Kết luận giám định số 3889/KL-KTHS ngày 10/12/2025 của Phòng K Công an Thành phố H, xác định xe mô tô Yamaha Exciter có số khung RLCUG1010LY317536, số máy G3D4E1088572 là số nguyên thủy do nhà sản xuất đóng ra. Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 12/12/2025 của Hội

đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **UBND phường T**, thành phố Hải Phòng, chiếc xe mô tô nêu trên tại thời điểm tháng 6/2025 có giá trị 20.500.000 đồng. Ngày 23/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H** đã trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp là anh **Trần Công T1**.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSKV12 ngày 12/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng truy tố bị cáo **Bùi Văn N** về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo **Bùi Văn N** phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 38 BLHS đối với bị cáo đề nghị: xử phạt **N** từ 2 năm 9 tháng đến 3 năm 3 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 2 năm 9 tháng tù của Bản án số 43 ngày 27/11/2025, TAND khu vực 2 - Hưng Yên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2025.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Bùi Văn N**.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi đã thực hiện như nêu trên, nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo cũng xác định mục đích trộm cắp tài sản của bị cáo lần này cũng như các lần trước đây chỉ để bán tài sản lấy tiền, phục vụ nhu cầu ăn tiêu cá nhân của bị cáo, mà không lấy làm nguồn sống chính.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX: Do bị cáo đã hoàn trả tài sản chiếm đoạt cho bị hại, nên áp dụng thêm điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Do vậy, xem xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay đang nuôi 2 con nhỏ, vợ bị cáo đã bỏ đi không rõ địa chỉ, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù; đề nghị miễn án phí cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng nêu trên đều hợp pháp.

Hành vi của người bào chữa thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo **Bùi Văn N** khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản tự khai và các lần hỏi cung trong hồ sơ tại các bút lục số 61 đến 71; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại **Trần Công T1** tại bút lục số 83, 91; phù hợp với Kết luận định giá tài sản tại bút lục số 45, 46; phù hợp với tài liệu về giao nhận, xử lý vật chứng tại bút lục số 96; đồng thời phù hợp với các tài liệu chuyển giao của **Công an tỉnh H** tại các bút lục số 121, 132, 180 đến 183. Nội dung Cáo trạng cũng xác định chuỗi chứng cứ buộc tội còn được kiểm chứng bởi lời khai của người làm chứng, kết quả thực nghiệm điều tra, hình ảnh camera và các tài liệu khác trong hồ sơ tại các bút lục số 45, 46, 61 đến 74, 83, 86 đến 91, 108 đến 110, 121, 164 đến 167, 176 đến 178.

[3] Từ các chứng cứ nêu trên, có đủ căn cứ xác định: khoảng 11 giờ 20 phút ngày 16/6/2025, tại phòng trọ **số D** thuộc dãy nhà trọ **số H ngõ A T, Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hải Phòng**, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, **Bùi Văn N** đã lên lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 34D1-453.09, có số khung RLCUG1010LY317536, số máy G3D4E1088572, trị giá 20.500.000 đồng của anh **Trần Công T1**.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo còn tháo bỏ biển số thật, lắp biển số khác để tiếp tục sử dụng, thể hiện rõ ý thức chiếm đoạt và che giấu nguồn gốc tài sản. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện là có lỗi cố ý.

[5] Về định tội danh và khung hình phạt: bị cáo có 05 tiền án về tội trộm cắp tài sản, cụ thể: Bản án số 10 ngày 17/3/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù, chấp hành xong bản án ngày 05/10/2015; Bản án số 75 ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh xử phạt 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2016, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 28/9/2016; Bản án số 61 ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh xử phạt 18 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù và toàn bộ bản án ngày 12/11/2018; Bản án số 126 ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 30 tháng tù, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2022; Bản án số 71 ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 08 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2023. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này vào ngày 16/6/2025, bị cáo vẫn chưa được xóa án tích, do đó thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng Tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên không tiếp tục xem đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 5 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng tài liệu trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa không có căn cứ để chứng minh bị cáo sử dụng tài sản chiếm đoạt để làm nguồn sống chính, nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tài sản chiếm đoạt là 20.500.000 đồng đã được trả lại cho bị hại, ngoài thiệt về tài sản như nêu trên thì anh **T1** không bị thiệt hại nào khác, bị cáo bị truy tố theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là do tái phạm nguy hiểm, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hồ sơ thể hiện bị cáo có ra thú tại **Công an phường T** và giao nộp chiếc xe chiếm đoạt của anh **Trần Công T1**, nhưng khi đầu thú bị cáo chỉ khai nhận hành vi phạm tội tại tỉnh Hưng Yên, không khai báo về hành vi phạm tội trong vụ án này và không khai báo chiếc xe giao nộp là xe của anh **T1**. Chỉ đến khi cơ quan điều tra **công an tỉnh H** kiểm tiến hành xác minh dữ liệu đăng ký xe thì mới phát hiện chủ xe là anh **T1** và tiến hành đấu tranh, bị cáo mới khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp xe của anh **T1**. Do đó, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ đầu thú, cũng như không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Đã làm giảm tác hại của tội phạm” theo điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của người bào chữa.

[7] Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Bị cáo coi thường pháp luật; trong khi đó bị hại còn sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản khi để xe và chìa khóa trong phòng trọ nhưng chỉ cài then cửa ngoài. Những yếu tố này tạo điều kiện để bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt. Tuy nhiên, đây chỉ là nguyên nhân, điều kiện dẫn tới việc phạm tội; không làm thay đổi bản chất trái pháp luật trong hành vi của bị cáo.

[8] Về hình phạt: Xét bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án về cùng loại tội xâm phạm sở hữu nhưng không sửa chữa, tiếp tục phạm tội ngay sau khi chấp hành xong các bản án trước; vì vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức nghiêm, không chấp nhận đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử dưới khung hình phạt, như đề nghị của người bào chữa và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Do bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án Hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 của TAND khu vực 2- Hưng Yên, nên cần tổng hợp hình phạt của 2 bản án theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo thuộc hộ cận nghèo, nên không phạt tiền bổ sung.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô Yamaha Exciter là tài sản hợp pháp của anh **Trần Công T1**, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật. Đối với biển số 34B3-411.02 và những tài liệu phát sinh trong quá trình xác minh của **Công an tỉnh H**, các cơ quan có thẩm quyền đã tách, chuyển xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét thêm trong bản án này.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô đã được thu hồi và trả lại cho anh **Trần Công T1**, mặc dù có bị mất biển số xe, nhưng bị hại xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét phần trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nhưng thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s và điểm h khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 260, 261, 262, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".
2. Xử phạt: **Bùi Văn N** 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 09 tháng tù kể từ ngày 16/7/2025, về tội Trộm cắp tài sản tại bản án Hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 của TAND khu vực 2- Hưng Yên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù chung là 05 năm 03 tháng tù, tính từ ngày 16/7/2025.
3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Bùi Văn N**.
4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 12 -Hải Phòng
- Cơ quan CSĐT CA TP Hải Phòng.
- **Trại giam Tân Lập, tỉnh Phú Thọ.**
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường

